

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Ph.

2. Bà Lê Thị Ng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Tr - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương U - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 760/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Trung Th, sinh năm: 1961; nơi thường trú: Số 569 khu phố Nguyễn Trãi, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn: Bà Vương Thị D, sinh năm 1969; nơi thường trú: Số 569 khu phố Nguyễn Trãi, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 2/49 khu phố T, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Trung Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung Th và bà Vương Thị D tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T (nay là phường B, thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyền số 01/2003, ngày 01 tháng 10 năm 2003. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, từ khi ly thân bà Diễm dọn về nhà ba mẹ ruột để sinh sống. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lê Trung Th yêu cầu được ly hôn với bà Vương Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Lê Kim Ng, sinh ngày 17/5/2004; Lê Kim N, sinh ngày 22/10/2007 và Lê Kim U, sinh ngày

22/10/2007. Sau khi ly hôn ông Lê Trung Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung Lê Kim N, sinh ngày 22/10/2007 và Lê Kim U, sinh ngày 22/10/2007. Do cháu Lê Kim Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Trung Th không yêu cầu bà Vương Thị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Vương Thị D đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Diễm không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Trung Th khởi kiện bà Vương Thị D yêu cầu ly hôn, bà Diễm hiện đang sinh sống tại số 2/49 khu phố Bình Thuận, phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Vương Thị D theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Diễm không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà Diễm trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn ông Lê Trung Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thành, bà Diễm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung Th và bà Vương Thị D tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T (nay là phường B, thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2003, ngày 01 tháng 10 năm 2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, ông Th xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên ông

Thành khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà D. Tòa án có xác minh tại địa phương nhưng địa phương chưa ghi nhận gì về mâu thuẫn vợ chồng của ông Thành và bà D.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà D không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập bà D tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà D vắng mặt. Mặt khác, ông Th xác định ông không còn tình cảm với bà D, ông cương quyết ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Th về việc ly hôn với bà D.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Lê Trung Th và bà Vương Thị D có 03 con chung tên Lê Kim Ng, sinh ngày 17/5/2004; Lê Kim N, sinh ngày 22/10/2007 và Lê Kim U, sinh ngày 22/10/2007. Sau khi ly hôn ông Lê Trung Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung Lê Kim N, sinh ngày 22/10/2007 và Lê Kim U, sinh ngày 22/10/2007. Do cháu Lê Kim Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét, tại biên bản lấy lời khai cháu Lê Kim N và Lê Kim U đều có nguyện vọng được sống cùng với cha. Ông Th có thu nhập và chỗ ở ổn định, hiện nay 02 cháu đang ở cùng với ông Th. Bà D vắng mặt không có ý kiến. Nên để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức nên giao cháu Lê Kim N và Lê Kim U cho ông Thành trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Th không yêu cầu bà Diễm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trung Th đối với bị đơn bà Vương Thị D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung Th được ly hôn với bà Vương Thị D.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Kim N, sinh ngày 22/10/2007 và Lê Kim U, sinh ngày 22/10/2007 cho ông Lê Trung Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Cháu Lê Kim Ng, sinh ngày 17/5/2004 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Vương Thị D không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Trung Th được miễn án phí theo quy định pháp luật.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị H

